

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

TỪ NGÀY 01 THÁNG 04 NĂM 2021
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2021

(NIÊN ĐỘ TỪ 01/07/2020 ĐẾN 30/06/2021)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	1 - 4
2. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	5
3. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	6 - 7
4. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 26

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV -Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		804.211.037.331	584.148.780.671
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	15.070.086.958	21.977.130.971
1. Tiền	111		15.070.086.958	21.977.130.971
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Kinh doanh chứng khoán	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		388.787.090.808	367.504.207.926
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	2.1	133.735.286.127	70.101.753.933
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	2.2	165.522.185.617	222.124.045.574
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Các khoản phải thu khác	136	3	110.904.262.354	90.120.668.036
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	4	(21.374.643.290)	(14.842.259.617)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		385.264.051.189	191.393.727.287
1. Hàng tồn kho	141	5	389.288.474.565	194.673.346.429
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(4.024.423.376)	(3.279.619.142)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		15.089.808.376	3.273.714.487
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6	15.089.808.376	3.273.714.487
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.658.699.786.667	1.605.172.194.888
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	14.820.024.989
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	3	-	14.820.024.989
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV -Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
II.	Tài sản cố định	220		1.067.350.285.122	1.040.512.478.687
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	7	1.036.913.430.136	1.009.786.821.483
	<i>Nguyên giá</i>	222		2.660.282.935.096	2.630.044.445.073
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.623.369.504.960)	(1.620.257.623.590)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	8	30.436.854.986	30.725.657.204
	<i>Nguyên giá</i>	228		41.498.657.235	41.498.657.235
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(11.061.802.249)	(10.773.000.031)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		269.403.152.489	262.606.740.765
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	9	269.403.152.489	262.606.740.765
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	10	289.343.431.344	254.127.382.291
1.	Đầu tư vào công ty con	251		268.025.038.981	217.408.989.928
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		21.500.000.000	36.500.000.000
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.251.145.800	5.251.145.800
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(35.432.753.437)	(35.032.753.437)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		30.000.000.000	30.000.000.000
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		32.602.917.712	33.105.568.156
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	6	32.602.917.712	33.105.568.156
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		2.462.910.823.998	2.189.320.975.559

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV -Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ		300		917.491.005.236	671.561.413.329
I. Nợ ngắn hạn		310		802.094.971.626	582.666.092.120
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	122.239.225.966	105.492.166.838
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	12	49.217.440.442	10.521.680.617
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	18.300.710.386	13.584.825.196
4.	Phải trả người lao động	314		10.192.964.888	12.678.607.480
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	59.186.259.102	7.064.402.937
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	15	3.700.926.781	13.526.367.061
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	539.227.290.243	418.867.015.964
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		30.153.818	931.026.027
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn		330		115.396.033.610	88.895.321.209
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		26.000.000.000	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
6.	Phải trả dài hạn khác	337		44.136.781.593	39.218.905.093
7.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	14.535.000.000	3.470.000.000
8.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
9.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
10.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
11.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
12.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	18	30.724.252.017	46.206.416.116

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV -Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.545.419.818.762	1.517.759.562.230
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	1.522.604.077.817	1.489.628.322.657
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411			
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		700.000.000.000	700.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		181.855.673.009	180.176.411.784
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(25.442.046.725)	(32.871.691.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		580.200.492.310	577.724.410.652
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		85.989.959.223	64.599.191.221
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		59.646.578.164	39.838.374.645
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		26.343.381.059	24.760.816.576
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422			
II. Nguồn kinh phí	430		22.815.740.945	28.131.239.573
1. Nguồn kinh phí	431	20	2.639.654.975	5.340.121.039
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	21	20.176.085.970	22.791.118.534
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.462.910.823.998	2.189.320.975.559

Lập ngày 28 tháng 07 năm 2021

Người lập biểu



Hồ Thị Hậu

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Hà

Tổng giám đốc



Lê Văn Tân

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý IV - Niên độ tài chính kết thúc ngày 30/06/2021

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ 01/07 đến 30/06	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	811.391.656.308	423.397.128.770	1.731.661.496.229	1.513.085.441.204
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	689.964.338	-	689.964.338
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		811.391.656.308	422.707.164.432	1.731.661.496.229	1.512.395.476.866
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	746.822.584.204	379.882.309.839	1.589.786.406.987	1.376.727.313.195
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		64.569.072.104	42.824.854.593	141.875.089.242	135.668.163.671
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.074.800.838	1.469.705.467	3.638.704.551	3.559.319.952
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	11.484.081.784	6.725.746.449	27.367.550.919	31.388.151.540
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.284.217.437	5.598.867.610	14.907.507.645	24.744.772.888
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.5	21.842.853.307	11.633.454.107	46.609.918.139	35.126.423.884
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	10.254.302.690	8.609.717.046	37.601.447.507	37.586.848.381
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		22.062.635.161	17.325.642.458	33.934.877.228	35.126.059.818
11.	Thu nhập khác	31	VI.7	90.001	46.616.967	3.712.975.272	105.232.384
12.	Chi phí khác	32	VI.8	1.104.451.964	3.412.710.880	5.592.864.927	5.032.143.694
13.	Lợi nhuận khác	40		(1.104.361.963)	(3.366.093.913)	(1.879.889.655)	(4.926.911.310)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		20.958.273.198	13.959.548.545	32.054.987.573	30.199.148.508
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		3.532.069.525	2.382.755.236	5.711.606.514	5.438.331.932
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		17.426.203.673	11.576.793.309	26.343.381.059	24.760.816.576

Người lập biểu

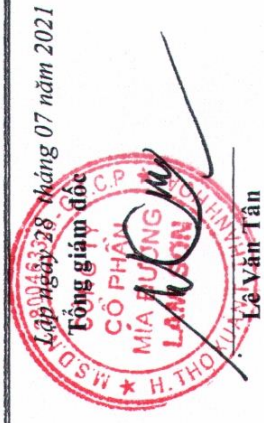


Hồ Thị Hậu

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Hà



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Giai đoạn từ 1/7/2020 đến 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	32.054.987.573	30.199.148.508
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	152.055.703.516	127.071.454.369
- Các khoản dự phòng	03	7.677.187.907	5.110.281.222
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	181.423.018
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	20.670.993.050	(301.064.162)
- Chi phí lãi vay	06	14.907.507.645	24.744.772.888
- Các khoản chi trực tiếp từ lợi nhuận	07	-	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	227.366.379.691	187.006.015.843
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(35.216.049.053)	3.428.873.341
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(193.870.323.902)	175.835.602.322
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	146.081.745.928	12.819.054.743
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(11.313.443.445)	4.704.504.213
- Tiền lãi vay đã trả	13	(28.481.241.052)	(24.414.075.149)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(5.532.714.840)	(4.892.736.171)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	(6.694.644.275)	7.294.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(51.798.082.562)	(6.172.934.390)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	40.541.626.490	355.608.304.752
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(189.423.944.782)	(339.326.699.161)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	7.850.000.000	39.364.725
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(49.970.630.600)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		19.970.630.600
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	4.500.000.000	32.960.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.072.564.162
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(177.073.944.782)	(334.254.770.274)

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.105.337.083.116	616.278.509.951
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(975.711.808.837)	(629.248.347.730)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(26.546.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	129.625.274.279	(12.996.383.779)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(6.907.044.013)	8.357.150.699
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	21.977.130.971	13.619.980.272
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	15.070.086.958	21.977.130.971

Lập ngày 28 tháng 07 năm 2021

Người lập biểu



Hồ Thị Hậu

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Hà

Tổng giám đốc



Lê Văn Tân

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại
- Ngành nghề kinh doanh** : Công nghiệp đường, cồn, nước uống có cồn và không có cồn; Chế biến các sản phẩm sau đường, nông, lâm sản, thức ăn gia súc; Dịch vụ vận tải, cơ khí, cung ứng vật tư nguyên liệu; Sản xuất và cung ứng giống cây, con, tiêu thụ sản phẩm; Chế biến các sản phẩm cao su, giấy bao bì carton, kinh doanh thương mại, khách sạn ăn uống; Xuất nhập khẩu các sản phẩm trên và tài sản cố định, máy móc, thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế phục vụ cho sản xuất kinh doanh; Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; Sản xuất kinh doanh CO₂ (khí, lỏng, rắn); Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp, công nghiệp; Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt; Dịch vụ sửa chữa và gia công máy móc, thiết bị; Dịch vụ làm đất nông, lâm nghiệp; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 04 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.
- Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên phần mềm máy tính (Hệ thống quản trị doanh nghiệp ERP- Oracle E-Business Suite).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời hạn sử dụng đất.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 05 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	20 – 50
Phần mềm quản lý	05 - 08

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Tiền thuê đất, thuê kho trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Trong kỳ hoạt động từ 01/04/2021 đến 30/06/2021, Công ty không thực hiện trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.

12. Trích lập Quỹ Khoa học và Phát triển công nghệ:

Công ty thực hiện trích lập quỹ khoa học và phát triển công nghệ trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và phản ánh số trích lập trên chỉ tiêu “Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ”.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

14. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Căn cứ Khoản 3a Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ tài chính hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN (được bổ sung theo khoản 5 Điều 11 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015), Công ty thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi 15% trên thu nhập chịu thuế từ chế biến đường và các phụ phẩm của đường từ cây mía (sản phẩm trồng trọt trong lĩnh vực nông nghiệp) trên địa bàn huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối năm. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối năm.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	78.398.224	252.843.555
Tiền gửi ngân hàng	14.991.688.734	21.724.287.416
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	<u>15.070.086.958</u>	<u>21.977.130.971</u>

2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**2.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP Thực phẩm dinh dưỡng NUTIFOOD Bình Dương	11.605.295.100	19.284.898.500
Chi nhánh TNHH nước giải khát cocacola Việt Nam tại Hà Nội	17.612.272.125	-
Chi nhánh Công ty TNHH Nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam tại Bắc Ninh	37.314.112.500	29.266.075.125
Công ty TNHH TM & XNK Lam Sơn	25.987.146.426	2.511.438.306
Công ty TNHH URC Hà Nội	10.933.537.650	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	30.282.922.326	19.039.342.002
Cộng	<u>133.735.286.127</u>	<u>70.101.753.933</u>

2.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho người bán tại XNNL	124.985.691.794	148.517.211.418
Trả trước cho người bán tại VPCT	40.536.493.823	71.204.076.156
Trả trước cho người bán tại các đơn vị	-	2.402.758.000
Cộng	<u>165.522.185.617</u>	<u>222.124.045.574</u>

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Ngắn hạn	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng	65.427.116.627	25.242.404.395
Công ty TNHH TT NC & PT Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn	12.425.918.143	23.444.838.329
Công ty CP rượu Việt Nam – Thụy Điển	8.504.060.306	8.504.060.306
Tạm ứng	2.061.874.444	6.673.199.119
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.936.138.636	57.075.880
Các khoản phải thu khác	15.549.154.198	26.199.090.007

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cộng	110.904.262.354	90.120.668.036

Dài hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng	-	13.350.024.989
Ký quỹ dài hạn	-	1.470.000.000
Cộng	-	14.820.024.989

4. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Số đầu năm	(14.842.259.617)
Dự phòng trích lập trong năm	(6.600.330.273)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	67.946.600
Số cuối năm	(21.374.643.290)

5. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	288.452.532	308.108.899
Nguyên liệu, vật liệu	42.648.384.450	22.371.585.642
Công cụ, dụng cụ	1.253.373.451	1.207.333.101
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.471.627.344	3.228.797.207
Thành phẩm	316.663.133.768	122.377.011.954
Hàng hóa	22.963.503.020	45.180.509.626
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.024.423.376)	(3.279.619.142)
Cộng	385.264.051.189	191.393.727.287

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Ngắn hạn		
Số đầu năm	3.273.714.487	
Số cuối kỳ	15.089.808.376	
Dài hạn		
Số đầu năm	33.105.568.156	
Số cuối kỳ	32.602.917.712	

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Số đầu năm	538.384.739.822	2.018.356.635.043	52.275.913.475	20.493.766.732	533.390.000	2.630.044.445.072
Tăng trong kỳ	48.701.211.403	133.874.139.837	-	52.181.818	-	182.627.533.059
<i>Mua sắm mới</i>	270.037.272	8.264.421.184	-	52.181.818	-	8.586.640.274
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	48.431.174.131	125.609.718.653	-	-	-	174.040.892.785
<i>Tăng khác</i>	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	51.990.680.920	93.693.003.169	10.252.036.790	178.884.061	-	152.389.043.035
<i>Giảm do thanh lý nhượng bán</i>	51.990.680.920	89.967.441.264	10.252.036.790	178.884.061	-	152.389.043.035
<i>Giảm khác</i>	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	466.984.942.372	2.062.263.333.616	42.023.876.685	20.367.064.489	533.390.000	2.660.282.935.096
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu năm	275.182.656.743	1.276.896.040.238	47.552.611.610	20.200.179.319	390.912.340	1.620.257.623.590
Tăng trong kỳ	17.982.108.925	132.121.016.006	1.545.610.625	109.470.085	8.695.656	151.766.901.298
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	17.982.108.925	132.121.016.006	1.545.610.625	109.470.085	8.695.656	151.766.901.298
<i>Khấu hao TSCĐ hình thành từ quỹ PL</i>	-	-	-	-	-	-
<i>Tăng khác</i>	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	50.504.902.463	87.719.196.611	10.252.036.790	178.884.064	-	148.655.019.928
<i>Giảm do thanh lý, nhượng bán</i>	50.504.902.463	87.719.196.611	10.252.036.790	178.884.064	-	148.655.019.928
<i>Giảm khác</i>	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	242.659.863.205	1.321.333.082.973	38.846.185.445	20.130.765.340	399.607.996	1.623.369.504.960
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	263.202.083.079	741.425.371.465	4.723.301.865	293.587.413	142.477.660	1.009.786.821.482
Số cuối kỳ	292.435.407.101	740.930.250.643	3.177.691.240	236.299.149	133.782.004	1.036.913.430.136

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	32.195.577.517	9.303.079.718	41.498.657.235
Tăng trong kỳ do mua sắm	-	-	-
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-
Số cuối kỳ	32.195.577.517	9.303.079.718	41.498.657.235
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.562.560.308	9.210.439.723	10.773.000.031
Tăng trong kỳ do khấu hao	265.642.218	23.160.000	288.802.218
Giảm khác	-	-	-
Số cuối kỳ	1.828.202.526	9.233.599.723	11.061.802.249
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	30.633.017.209	92.639.995	30.725.657.204
Số cuối kỳ	30.374.833.789	69.479.995	30.436.854.986

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỠ GIANG

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự án trung tâm công nghệ cao Lam Sơn	30.366.333.204	30.366.333.204
Dự án đầu tư công viên sinh thái tre, luồng Thanh Tam	198.474.132.444	134.301.785.525
Dự án nhà máy nước mía cô đặc	17.294.159.691	-
Dự án nhà máy sữa gạo	-	31.042.259.559
Dự án Trầm Hương	5.262.485.568	8.542.424.462
Dự án khác	18.006.041.582	58.353.938.015
Cộng	269.403.152.489	262.606.740.765

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con	268.025.038.981	217.408.989.928
<i>Công ty TNHH Một thành viên Thành An – Lam Sơn</i>	<i>8.300.000.000</i>	<i>8.300.000.000</i>
<i>Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng</i>	<i>62.016.049.053</i>	<i>11.400.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn</i>	<i>13.950.000.000</i>	<i>13.950.000.000</i>
<i>Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng</i>	<i>21.396.593.886</i>	<i>21.396.593.886</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước</i>	<i>13.500.000.000</i>	<i>13.500.000.000</i>
<i>Công ty TNHH Thương mại và XNK Lam Sơn</i>	<i>9.862.396.042</i>	<i>9.862.396.042</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty TNHH Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn</i>	139.000.000.000	139.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	21.500.000.000	36.500.000.000
<i>Công ty Cổ phần rượu Việt Nam – Thụy Điển</i>	21.500.000.000	21.500.000.000
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân</i>	-	15.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.251.145.800	5.251.145.800
<i>Tổng Công ty Mía đường I</i>	2.974.645.800	2.974.645.800
<i>Công ty Cổ phần Thương mại Lam Hà</i>	2.276.500.000	2.276.500.000
Đầu tư dài hạn khác	30.000.000.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(35.432.753.437)	(35.032.753.437)

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**Ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả tại XNNL	48.714.072.818	47.393.507.861
Phải trả tại VPCT	69.278.376.017	56.643.539.124
Phải trả tại các đơn vị	4.246.777.131	1.455.119.853
Cộng	122.239.225.966	105.492.166.838

Dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả tại XNNL	26.000.000.000	-
Cộng	26.000.000.000	-

12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Người mua trả tiền trước	49.217.440.442	10.521.680.617
Cộng	49.217.440.442	10.521.680.617

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	12.372.918.769	8.289.851.830

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.473.864.089	5.294.973.366
Các loại thuế khác	453.927.528	-
Cộng	<u>18.300.710.386</u>	<u>13.584.852.196</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất như sau:

Ngọn mía giống, sản phẩm rau củ quả, dịch vụ cơ giới nông nghiệp	Không chịu thuế
Đường, mật ri	5%
Cồn, điện	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2020/2021:

	<u>Năm nay</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	32.054.987.573
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán:	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-
<i>Chi phí của các nhà máy tạm dừng sản xuất</i>	3.040.910.124
<i>Các khoản phạt</i>	1.106.792.169
<i>Thù lao của Hội đồng Quản trị không chuyên trách</i>	70.000.000
<i>Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ</i>	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-
Thu nhập tính thuế TNDN	36.272.689.866
Thuế TNDN hiện hành	5.711.606.514
Thuế TNDN năm trước	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	26.343.381.059

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí phải trả	59.186.259.102	7.064.402.937
Cộng	<u>59.486.259.102</u>	<u>7.064.402.937</u>

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	1.343.704.710	1.724.422.916
Kinh phí công đoàn	209.724.546	1.847.733.346
Hoàn ứng	624.610.656	287.999.202
Phải thu ngắn hạn khác	-	2.334.911.030
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.522.886.869	7.331.300.567
Cộng	<u>3.700.926.781</u>	<u>13.526.367.061</u>

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngân hàng, tổ chức tín dụng	539.227.290.243	416.950.390.964
Vay dài hạn đến hạn trả	-	1.916.625.000
Cộng	<u>539.227.290.243</u>	<u>418.867.015.964</u>

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay và nợ dài hạn	14.535.000.000	3.470.000.000
Cộng	<u>14.535.000.000</u>	<u>3.470.000.000</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay trong kỳ</u>	<u>Số tiền trả /giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay đối tượng khác	3.470.000.000	11.800.000.000	735.000.000	14.535.000.000
Cộng	<u>3.470.000.000</u>	<u>11.800.000.000</u>	<u>735.000.000</u>	<u>14.535.000.000</u>

18. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	30.724.252.017	46.206.416.116
Cộng	<u>30.724.252.017</u>	<u>46.206.416.116</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	700.000.000.000	180.176.411.784	(32.871.691.000)	575.358.962.809	44.583.488.964	1.467.247.172.557
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	24.760.816.576	24.760.816.576
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(2.365.447.843)	(2.365.447.843)
Trích lập các quỹ	-	-	-	2.365.447.843	(2.365.447.843)	-
Chia cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	-
Các khoản khác	-	-	-	-	(14.218.633)	(14.218.632)
Số dư cuối năm trước	700.000.000.000	180.176.411.784	(32.871.691.000)	577.724.410.652	64.599.191.221	1.489.628.322.657
Số dư đầu năm nay	700.000.000.000	180.176.411.784	(32.871.691.000)	577.724.410.652	64.599.191.221	1.489.628.322.657
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận các năm nay	-	-	-	-	26.343.381.059	26.343.381.059
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	2.476.081.658	(2.476.081.658)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(2.476.081.658)	(2.476.081.658)
Bán cổ phiếu quỹ	-	1.679.261.225	7.429.644.275	-	-	9.108.905.500
Chia cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	-
Các khoản khác	-	-	-	-	(449.741)	(449.741)
Số dư cuối kỳ	700.000.000.000	181.855.673.009	(25.442.046.725)	580.200.492.310	85.989.959.223	1.522.604.077.817

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của các cổ đông	700.000.000.000	700.000.000.000
Vốn đầu tư của Nhà nước	-	-
Thặng dư vốn cổ phần	181.855.673.009	180.176.411.784
Cộng	881.855.673.009	880.176.411.784

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	70.000.000	70.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	2.325.850	3.005.050
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	67.674.150	66.994.950
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	67.674.150	66.994.950

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Mệnh giá cổ phiếu năm trước 10.000 VND.

Mục đích trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu:

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh và đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

20. NGUỒN KINH PHÍ

Số đầu năm	5.340.121.039
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	13.113.699.740
Chi sự nghiệp	(15.814.165.804)
Số cuối kỳ	2.639.654.975

21. NGUỒN KINH PHÍ ĐÃ HÌNH THÀNH TSCĐ

Số đầu năm	22.791.118.534
Tăng trong kỳ	-
Giảm trong kỳ	(2.615.032.564)
Số cuối kỳ	20.176.085.970

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI - THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA NĂM TÀI CHÍNH 2020/2021:**VI.1 - DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Giai đoạn 01/07/2020 đến 30/06/2021	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.731.661.496.229	1.513.085.441.204
Doanh thu bán hàng hóa	448.925.171.317	336.864.271.429
Doanh thu bán thành phẩm	1.254.773.360.700	1.161.707.627.865
Doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu khác	27.962.964.212	14.513.541.910
Các khoản giảm trừ doanh thu		(689.964.338)
Doanh thu bán thành phẩm		(689.964.338)
Doanh thu thuần	1.731.661.496.229	1.512.395.476.866
Doanh thu bán hàng hóa	448.925.171.317	336.864.271.429
Doanh thu bán thành phẩm	1.254.773.360.700	1.161.017.663.527
Doanh thu cung cấp dịch vụ	27.962.964.212	14.513.541.910

VI.2 - GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Giai đoạn 01/07/2020 đến 30/06/2021	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	428.016.714.271	336.893.140.628
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	1.111.270.263.925	1.020.569.302.266
Giá vốn của hàng bán khác	50.499.428.791	16.548.823.663
Dự phòng giảm giá hàng bán		2.716.046.638
Cộng	1.589.786.406.987	1.376.727.313.195

VI.3 - DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Giai đoạn 01/07/2020 đến 30/06/2021	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	831.412.781	-
Lãi tiền cho vay	34.804.559	3.301.064.162
Lãi chênh lệch tỷ hối đoái	342.487.211	258.255.790
Lãi đầu tư trái phiếu	2.430.000.000	-
Cộng	3.638.704.551	3.559.319.952

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI.4 - CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Giai đoạn 01/07/2020 đến 30/06/2021	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	14.907.507.645	24.744.772.888
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	400.000.000	-
Lỗ tỷ giá hối đoái của hoạt động SXKD	38.686.846	1.800.752.149
Chiết khấu thanh toán	394.983.425	-
Lỗ các khoản đầu tư khác	10.500.000.000	4.625.990.999
Chi phí khác	1.126.373.003	216.625.504
Cộng	27.367.550.919	31.388.151.540

VI.5 - CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Giai đoạn 01/07/2020 đến 30/06/2021	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	5.318.003.622	4.980.039.610
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.063.048.717	2.343.676.463
Chi phí vận chuyển	9.020.099.184	12.645.042.255
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.883.755.035	8.521.937.250
Chi phí bằng tiền khác	11.505.011.581	6.635.728.306
Cộng	46.609.918.139	35.126.423.884

VI.6 - CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Giai đoạn 01/07/2020 đến 30/06/2021	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	13.126.223.852	16.242.555.061
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.303.364.199	4.315.786.147
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.115.037.041	12.007.175.552
Chi phí dự phòng, trợ cấp	6.179.680.779	768.243.585
Chi phí quản lý bằng tiền khác	1.877.141.636	4.253.088.036
Cộng	37.601.447.507	37.586.848.381

VI.7 - THU NHẬP KHÁC

	Giai đoạn 01/07/2020 đến 30/06/2021	
	Năm nay	Năm trước
Thanh lý tài sản cố định	3.612.073.578	
Thu nhập khác	100.901.694	105.232.384

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Giai đoạn 01/07/2020 đến 30/06/2021	
	Năm nay	Năm trước
Cộng	3.712.975.272	105.232.384

VI.8 - CHI PHÍ KHÁC

	Giai đoạn 01/07/2020 đến 30/06/2021	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao và kiểm tu của tài sản cố định tạm dừng sản xuất	3.040.910.124	3.930.996.038
Chi phí khác	2.551.954.803	1.101.147.656
Cộng	5.592.864.927	5.032.143.694

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-

Lãi cơ bản trên cổ phiếu:

Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020-2021	26.343.381.059
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	67.164.750
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	392

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Năm nay
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu năm	66.994.950
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	67.164.750

VII – NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty:**

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Giao dịch và số dư với các bên có liên quan**

Trong kỳ, Công ty đã có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Từ 01/07/2020 đến 30/06/2021	Từ 01/07/2019 đến 30/06/2020
Giao dịch mua hàng			
Công ty CP TM XNK Lam Sơn	Công ty con	29.607.677.846	11.791.058.784
Công ty TNHH NN CNC Lam Sơn	Công ty con	-	665.759.519
Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng	Công ty con		-
Giao dịch bán hàng			
Công ty TNHH NN CNC Lam Sơn	Công ty con	942.909.866	5.817.211.910
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	Công ty con	28.034.875.172	15.361.961.905
Công ty CP TM XNK Lam Sơn	Công ty con	333.637.853.492	181.698.869.633

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Trong kỳ từ 01/07/2020 – 30/06/2021, số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Trả trước cho người bán			
Công ty CP ĐTPT Lam Sơn - Bá Thước	Công ty con	653.901.183	4.634.278.861
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điền	Công ty liên kết	882.000.000	882.000.000
Phải trả người bán			
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	Công ty con	60.809.462.348	28.863.282.178
Công ty CP ĐTPT Lam Sơn - Bá Thước	Công ty con	-	
Phải thu khách hàng			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điền	Công ty liên kết	2.921.603.000	2.921.603.000
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điền	Công ty liên kết	8.504.060.306	8.504.060.306
Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng	Công ty con	65.427.116.627	25.242.404.395
Công ty TNHH NN CNC Lam Sơn	Công ty con	12.425.918.143	23.444.838.329
Phải thu dài hạn khác			
Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng	Công ty con	-	13.350.024.989

4. Giải trình biến động lợi nhuận so với cùng kỳ:

Lợi nhuận sau thuế Quý IV năm tài chính giai đoạn từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021 đạt 17.426.203.673 đồng, tăng 50,53% so với cùng kỳ năm 2019/2020, do một số chỉ tiêu cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý IV- Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Từ 01/04/2021 đến 30/06/2021		
		Năm nay(đ)	Năm trước(đ)	Tăng giảm(%)
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	811.391.656.308	422.707.164.432	91,95
2	Giá vốn hàng bán	746.822.584.204	379.882.309.839	96,59
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	64.569.072.104	42.824.854.593	50,77
4	Tỷ suất lợi nhuận gộp/doanh thu	7,95%	10,13%	(21,45)
5	Doanh thu hoạt động tài chính	1.074.800.838	1.469.705.467	(26,87)
6	Chi phí quản lý	10.254.302.690	8.609.717.046	19,10
7	Chi phí bán hàng	21.842.853.307	11.633.454.107	87,76
8	Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế	17.426.203.673	11.576.793.309	50,53

Nguyên nhân :

Doanh thu năm nay tăng 91,95%, đồng thời giá vốn tăng 96,59% so với cùng kỳ năm trước, tuy nhiên tỷ suất lợi nhuận gộp/doanh thu năm nay chỉ đạt 7,95% giảm 21,45%, so với cùng kỳ năm trước, dẫn đến Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm nay chỉ tăng 50,77% so với cùng kỳ năm trước,

Chi phí bán hàng năm nay tăng 87,76%, chi phí quản lý tăng 19,10% so với cùng kỳ năm trước,

Doanh thu từ hoạt động tài chính thì giảm 26,87% so với cùng kỳ năm trước.

Do đó, Lợi nhuận kế toán trước thuế quý IV năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2021 đạt 17.426 triệu đồng, tăng 50,53% so với cùng kỳ quý IV năm trước.

Lập ngày 28 tháng 07 năm 2021

Người lập biểu



Hồ Thị Hậu

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Hà

Tổng giám đốc



Lê Văn Tân